

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
HỘI ĐỒNG THI ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ KỲ THI ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN ĐỢT 5 NĂM 2026 TẠI HỌC VIỆN; THI NGÀY 05/9/2026

STT	SBD	MSV	Họ đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/ĐVCT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ
1	TH.5.26.001	2351070002	NGUYỄN KHÁNH	AN	Nữ	23/7/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông quốc tế K43	7.0	9.0	Đạt
2	TH.5.26.002	2356050001	NGUYỄN THỊ THU	AN	Nữ	05/11/2005	Bắc Ninh	Kinh	Lớp Báo Truyền hình K43	7.25	6.0	Đạt
3	TH.5.26.003	2356090001	TRẦN THỊ THU	AN	Nữ	22/03/2005	Phú Thọ	Kinh	Lớp Báo Mạng điện tử Chất lượng cao K43	8.0	7.5	Đạt
4	TH.5.26.004	2455270110	ĐẶNG THỊ LAN	ANH	Nữ	16/8/2006	Bắc Ninh	Kinh	Lớp Quản Lý Kinh tế K44.A3	6.25	7.0	Đạt
5	TH.5.26.005	2352020002	ĐẶNG TRUNG	ANH	Nữ	17/8/2005	Thanh Hóa	Kinh	Lớp Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước Khóa 43	6.0	7.0	Đạt
6	TH.5.26.006	2456110002	ĐINH NGỌC THỰC	ANH	Nữ	10/6/2006	Hà Nội	Kinh	QUAN HỆ CHÍNH TRỊ & TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ K44	7.0	6.0	Đạt
7	TH.5.26.007	2452020002	ĐINH NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	Nữ	27/8/2006	Hà Nội	Kinh	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước K44A1	5.75	10	Đạt
8	TH.5.26.008	2353010003	ĐINH THỊ NGỌC	ANH	Nữ	06/8/2005	Hà Nội	Kinh	Xã Hội Học K43	6.75	3.5	Không đạt
9	TH.5.26.009	2455380002	ĐỖ NHẬT	ANH	Nữ	07/10/2006	Hà Nội	Kinh	Truyền thông chính sách K44	6.0	7.0	Đạt
10	TH.5.26.010	2556160003	ĐỖ TÚ	ANH	Nữ	18/7/2007	Hà Nội	Kinh	Truyền thông Marketing K45A1	5.75	6.0	Đạt
11	TH.5.26.012	2356080003	LẠI ĐỖ QUỲNH	ANH	Nữ	11/03/2005	Hải Phòng	Kinh	Lớp Báo Truyền hình CLC K43	8.0	8.0	Đạt
12	TH.5.26.013	2351070004	LÊ THỊ HẢI	ANH	Nữ	28/03/2005	Hung Yên	Kinh	Lớp Truyền Thông Quốc Tế K43	8.25	6.0	Đạt
13	TH.5.26.014	2355330004	LÊ TÚ	ANH	Nữ	18/01/2005	Tuyên Quang	Kinh	Lớp TTHCM K43	5.75	10	Đạt
14	TH.5.26.015	2351100003	LƯƠNG LAN	ANH	Nữ	03/11/2005	Thái Nguyên	Tày	Quảng Cáo K43	6.75	6.0	Đạt
15	TH.5.26.016	2151010003	LÝ DIỆU	ANH	Nữ	10/02/2003	Hà Nội	Kinh	Lớp Công tác xã hội K41	5.75	6.0	Đạt
16	TH.5.26.017	2356100004	NGÔ HẢI	ANH	Nữ	13/8/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Thông tin đối ngoại K43	8.75	7.0	Đạt
17	TH.5.26.018	2351100004	NGUYỄN DOÃN HOÀI	ANH	Nữ	15/6/2005	Hải Phòng	Kinh	Quảng Cáo K43	8.0	8.5	Đạt
18	TH.5.26.019	2355320001	NGUYỄN HẢI	ANH	Nam	10/9/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Quản lý xã hội K43	7.0	5.5	Đạt

STT	SBD	MSV	Họ đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/ĐVCT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ
19	TH.5.26.020	2358020003	NGUYỄN LÂM	ANH	Nam	25/8/2004	Hà Nội	Kinh	Xuất bản điện tử K43	6.75	6.0	Đạt
20	TH.5.26.021	2351020004	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	Nữ	26/12/2005	Tuyên Quang	Lô Lô	Lớp Kinh tế chính trị K43	7.5	7.5	Đạt
21	TH.5.26.022	2355380004	PHẠM CHÂU	ANH	Nữ	23/9/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền Thông Chính Sách K43	8.0	6.0	Đạt
22	TH.5.26.023	2456110008	TRẦN HOÀNG QUỲNH	ANH	Nữ	06/10/2006	Đồng Nai	Kinh	Quan hệ chính trị và truyền thông quốc tế K44	6.25	7.0	Đạt
23	TH.5.26.024	2452020007	TRẦN LÊ NGỌC	ANH	Nữ	28/6/2006	Hà Tĩnh	Kinh	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước K44A1	6.0	7.5	Đạt
24	TH.5.26.025	2353010010	TRẦN MAI	ANH	Nữ	19/11/2005	Phú Thọ	Kinh	Lớp Xã hội học K43	7.0	7.5	Đạt
25	TH.5.26.026	2355380006	CHU THỊ	ÁNH	Nữ	21/10/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông chính sách K43	9.0	10	Đạt
26	TH.5.26.027	2453010004	ĐOÀN THỊ NGỌC	ÁNH	Nữ	25/7/2006	Ninh Bình	Kinh	Lớp Xã Hội Học	3.75	4.0	Không đạt
27	TH.5.26.028	2552050005	DƯƠNG NGỌC	ÁNH	Nữ	15/5/2007	Nghệ An	Kinh	Lớp Quản lý Nhà nước K45A1	4.75	3.0	Không đạt
28	TH.5.26.029	2356020006	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	Nữ	30/9/2005	Phú Thọ	Sán diu	Lớp Báo In K43	6.0	6.5	Đạt
29	TH.5.26.030	2455270008	BÙI THIÊN	ÂN	Nữ	07/03/2006	Hải Phòng	Kinh	Lớp Quản lý kinh tế K44A1	6.25	5.0	Đạt
30	TH.5.26.031	2055280009	NGÔ THỊ NGỌC	BÍCH	Nữ	08/12/2002	Phú Thọ	Kinh	Kinh tế và quản lý (clc) k40	6.0	5.0	Đạt
31	TH.5.26.032	2351020008	LỤC THỊ	BÌNH	Nữ	13/8/2005	Tuyên Quang	Sán Diu	Kinh tế Chính trị K43	2.75	5.0	Không đạt
32	TH.5.26.033	2355280009	NGUYỄN VĂN	BÌNH	Nam	24/7/2005	Phú Thọ	Kinh	Lớp Kinh tế & Quản lý (CLC)_K43	5.25	5.5	Đạt
33	TH.5.26.034	2451010009	ĐẶNG THUỶ	CHÂM	Nữ	12/01/2006	Hải Phòng	Kinh	Lớp Công Tác Xã Hội K44	5.75	5.0	Đạt
34	TH.5.26.035	2356100016	ĐÀO NGỌC	CHÂU	Nữ	31/12/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Thông tin đối ngoại K43	6.0	5.5	Đạt
35	TH.5.26.036	2350080008	PHAN NGUYỄN MINH	CHÂU	Nữ	24/10/2005	Hà Nội	Kinh	Chủ nghĩa xã hội khoa học K43	7.0	6.5	Đạt
36	TH.5.26.037		BÙI KHÁNH	CHI	Nữ	12/5/2004	Ninh Bình	Kinh	Học viện Hành chính và Quản trị công	5.75	2.5	Không đạt
37	TH.5.26.038	2453010005	ĐẠI THỊ YẾN	CHI	Nữ	27/10/2006	Phú Thọ	Kinh	Lớp Xã hội học K44	6.75	0.5	Không đạt
38	TH.5.26.039	2358020006	ĐẶNG LINH	CHI	Nữ	06/01/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Xuất bản điện tử K43	7.25	8.0	Đạt
39	TH.5.26.040		NGUYỄN MAI	CHI	Nữ	27/12/2004	Hà Nội	Kinh	Trường đại học Thủ đô Hà Nội	4.75	7.0	Không đạt

STT	SBD	MSV	Họ đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/ĐVCT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ
40	TH.5.26.041	2236070006	PHẠM KHÁNH	CHI	Nữ	27/6/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Báo mạng điện tử k42-VHVL	4.0	5.0	Không đạt
41	TH.5.26.042	2352010015	PHẠM MAI	CHI	Nữ	14/10/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Ngôn ngữ Anh K43	8.75	9.0	Đạt
42	TH.5.26.043	2351100011	ĐỖ THỊ NGỌC	DIỆP	Nữ	24/8/2005	Hung Yên	Kinh	Lớp Quảng Cáo K43	6.25	5.5	Đạt
43	TH.5.26.044	2351010008	NGUYỄN BÍCH	DIỆP	Nữ	14/8/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Công tác xã hội K43	7.25	9.0	Đạt
44	TH.5.26.045	2351020010	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỆP	Nữ	09/01/2005	Hải Phòng	Kinh	Kinh tế chính trị K43	5.25	7.0	Đạt
45	TH.5.26.048	2451040012	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG		Nữ	20/6/2006	Cần Thơ	Kinh	Lớp Truyền thông đa phương tiện K44A1	5.75	10	Đạt
46	TH.5.26.049	2452010015	ĐÌNH ĐĂNG	DƯƠNG	Nam	07/03/2006	Hà Nội	Kinh	Lớp Ngôn Ngữ Anh K44	7.0	7.0	Đạt
47	TH.5.26.050	2351050016	HOÀNG ÁNH	DƯƠNG	Nữ	29/12/2005	Phú Thọ	Mường	TTDC K43 A1	5.75	3.0	Không đạt
48	TH.5.26.051	2351050075	NGUYỄN THỊ THUỶ	DƯƠNG	Nữ	30/03/2005	Hà Tĩnh	Kinh	Lớp Truyền thông đại chúng K43A2	8.75	9.5	Đạt
49	TH.5.26.052	2455300075	LÊ ĐỨC	DUY	Nam	28/02/2006	Hải Phòng	Kinh	Công tác tư tưởng - văn hoá K44A2	6.75	6.0	Đạt
50	TH.5.26.053	2351020012	NGUYỄN THỊ HỒNG	DUYÊN	Nữ	01/02/2005	Phú Thọ	Kinh	Kinh tế Chính trị K43	5.25	5.0	Đạt
51	TH.5.26.054	2453010010	VŨ MINH	ĐỨC	Nam	05/4/2006	Ninh Bình	Kinh	Xã Hội Học K44	7.0	9.5	Đạt
52	TH.5.26.055	2356080014	ĐỖ HƯƠNG	GIANG	Nữ	03/9/2005	Hải Phòng	Kinh	Lớp Báo Truyền hình CLC K43	8.75	7.0	Đạt
53	TH.5.26.056	2552050015	MA VÂN	GIANG	Nữ	18/4/2007	Thái Nguyên	Tày	Lớp Quản lý nhà nước K45A1	5.0	7.0	Đạt
54	TH.5.26.057	2455380011	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	Nữ	22/6/2006	Hà Nội	Kinh	Truyền Thông Chính Sách - k44	5.75	7.0	Đạt
55	TH.5.26.058		NGUYỄN THU	GIANG	Nữ	12/9/2005	Hà Nội	Kinh	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	7.0	5.0	Đạt
56	TH.5.26.059	2356080015	VŨ THỊ HƯƠNG	GIANG	Nữ	11/5/2005	Hải Phòng	Kinh	Lớp Báo Truyền hình CLC K43	5.75	7.5	Đạt
57	TH.5.26.060	2453010013	BÙI NGÂN	HÀ	Nữ	20/01/2006	Hung Yên	Kinh	Xã Hội Học K44	6.75	7.0	Đạt
58	TH.5.26.061	2456050071	ĐẶNG NGUYỄN PHƯƠNG	HÀ	Nữ	14/11/2005	Quảng Ninh	Kinh	Lớp Báo Truyền hình K44A2	7.0	7.5	Đạt
59	TH.5.26.062	2350080012	ĐÀO THU	HÀ	Nữ	30/9/2005	Hải Phòng	Kinh	Lớp Chủ nghĩa xã hội khoa học K43	8.0	5.5	Đạt
60	TH.5.26.063	2351020016	NGUYỄN THỊ	HÀ	Nữ	10/11/2005	Nghệ An	Kinh	Lớp Kinh tế chính trị K43	6.0	5.5	Đạt

STT	SBD	MSV	Họ đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/ĐVCT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ
61	TH.5.26.064	2358020009	NGUYỄN THU	HÀ	Nữ	02/12/2005	Tuyên Quang	Cao Lan	Lớp Xuất bản điện tử K43	7.25	7.0	Đạt
62	TH.5.26.065	2351050080	NGUYỄN THU	HÀ	Nữ	16/12/2005	Bắc Ninh	Kinh	Lớp Truyền thông đại chúng A2K43	7.75	8.0	Đạt
63	TH.5.26.066	2353010017	VÕ THỊ THU	HÀ	Nữ	06/4/2005	Nghệ An	Kinh	Lớp Xã hội học K43	8.0	5.5	Đạt
64	TH.5.26.067	2456110017	ĐẶNG NGỌC	HÂN	Nữ	05/9/2006	Hải Phòng	Kinh	Quan hệ chính trị và Truyền thông quốc tế K44	6.75	9.0	Đạt
65	TH.5.26.068	2456110018	LÊ BẢO	HÂN	Nữ	05/01/2006	Hà Nội	Kinh	Lớp Quan hệ chính trị & Truyền thông quốc tế K44	7.75	9.5	Đạt
66	TH.5.26.069	2452010021	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	Nữ	22/11/2006	Hà Nội	Kinh	Lớp Ngôn ngữ Anh K44	7.75	10	Đạt
67	TH.5.26.070	2353010018	ĐOÀN THỊ THU	HÀNG	Nữ	08/9/2005	Hải Phòng	Kinh	Lớp Xã hội học K43	8.75	5.0	Đạt
68	TH.5.26.071	2452050015	NGUYỄN THỊ THU	HÀNG	Nữ	27/02/2006	Hưng Yên	Kinh	Lớp Quản lý nhà nước K44A1	7.0	10	Đạt
69	TH.5.26.072	2356050007	NGUYỄN THỊ THU	HÀNG	Nữ	23/02/2005	Hưng Yên	Kinh	Lớp Báo Truyền hình K43	6.75	6.0	Đạt
70	TH.5.26.073	2555380018	NGUYỄN THU	HÀNG	Nữ	04/8/2007	Quảng Ninh	Kinh	Lớp Truyền thông chính sách K45	7.0	5.5	Đạt
71	TH.5.26.074	2356090016	TRẦN THU	HÀNG	Nữ	10/4/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Báo Mạng điện tử CLCK43	8.25	6.5	Đạt
72	TH.5.26.075	2554030058	DƯƠNG THỊ HỒNG	HẠNH	Nữ	24/9/2007	Hà Nội	Kinh	Lớp Quản lý công K45 A2	8.0	10	Đạt
73	TH.5.26.076	2456110016	NGUYỄN NGỌC	HẢO	Nữ	09/7/2006	Hải Phòng	Kinh	Quan hệ chính trị và Truyền thông quốc tế K44	7.0	6.5	Đạt
74	TH.5.26.077		NGUYỄN THU	HIỀN	Nữ	04/7/2005	Quảng Ninh	Kinh	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	8.75	6.0	Đạt
75	TH.5.26.078	2356090017	NGUYỄN THUÝ	HIỀN	Nữ	04/02/2005	Hà Nội	Kinh	Báo Mạng điện tử CLC K43	5.75	9.5	Đạt
76	TH.5.26.079	2456040016	VŨ THỊ THANH	HOA	Nữ	24/5/2006	Hải Phòng	Kinh	Lớp Báo Phát Thanh K44	5.75	5.5	Đạt
77	TH.5.26.080	2455270017	BÙI THỊ	HOÀI	Nữ	26/02/2006	Bắc Ninh	Kinh	Lớp Quản lý kinh tế K44 A1	7.0	7.5	Đạt
78	TH.5.26.081	2351050083	ĐÀO HỒNG	HUỆ	Nữ	28/10/2005	Phú Thọ	Kinh	Lớp Truyền thông đại chúng K43A2	7.75	9.0	Đạt
79	TH.5.26.082	2451040129	NGUYỄN HOÀNG	HÙNG	Nam	10/03/2006	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông đa phương tiện K44A3	6.75	8.5	Đạt
80	TH.5.26.083	2352020015	ĐẶNG MAI	HƯƠNG	Nữ	10/12/2005	Lào Cai	Kinh	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước K43A1	6.5	6.0	Đạt
81	TH.5.26.084	2452010024	ĐẶNG THỊ	HƯƠNG	Nữ	13/11/2006	Phú Thọ	Sán Diu	Ngôn ngữ Anh K44	5.25	6.0	Đạt

STT	SBD	MSV	Họ đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/ĐVCT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ
82	TH.5.26.085	2451040022	NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	Nữ	06/8/2006	Ninh Bình	Kinh	Truyền thông đa phương tiện K44A1	6.25	5.5	Đạt
83	TH.5.26.086	2151010026	ĐINH THANH	HUYỀN	Nữ	05/11/2003	Hà Nội	Kinh	Lớp Công tác xã hội K41	6.75	8.0	Đạt
84	TH.5.26.087	2554030060	ĐOÀN PHƯƠNG	HUYỀN	Nữ	21/9/2007	Hải Phòng	Kinh	Quản Lý Công K45A2	4.75	10	Không đạt
85	TH.5.26.088	2356030018	HOÀNG THU	HUYỀN	Nữ	21/9/2005	Hà Nội	Kinh	Báo Ảnh K43	7.0	5.5	Đạt
86	TH.5.26.089	2452050018	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	Nữ	29/03/2006	Ninh Bình	Kinh	Lớp Quản Lý Nhà Nước K44.A1	4.25	6.0	Không đạt
87	TH.5.26.090	2351050084	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	Nữ	06/6/2005	Nghệ An	Kinh	Lớp Truyền thông Đại chúng K43A2	7.75	7.0	Đạt
88	TH.5.26.091		NGUYỄN MINH	HUYỀN	Nữ	06/01/2001	Hà Nội	Kinh	Hiện không có đơn vị công tác	5.75	7.5	Đạt
89	TH.5.26.092	2552050020	NGUYỄN MINH	HUYỀN	Nữ	03/12/2007	Hà Nội	Kinh	Quản lý nhà nước K45A1	6.25	6.0	Đạt
90	TH.5.26.093	2356090018	NGUYỄN THANH	HUYỀN	Nữ	09/4/2005	Phú Thọ	Kinh	Lớp Báo mạng điện tử CLC K43	5.75	10	Đạt
91	TH.5.26.094	2356160020	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	Nữ	08/10/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông Marketing K43A1	7.0	6.5	Đạt
92	TH.5.26.095	2356080020	PHAN THANH	HUYỀN	Nữ	22/5/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Báo Truyền hình CLC K43	8.75	9.5	Đạt
93	TH.5.26.096	2356020022	VŨ THU	HUYỀN	Nữ	12/5/2005	Phú Thọ	Mường	Báo in K43	8.0	6.0	Đạt
94	TH.5.26.097	2452050021	PHẠM QUANG	KHẢI	Nam	12/10/2006	Quảng Ninh	Kinh	Lớp Quản lý Nhà nước K44A1	6.25	10	Đạt
95	TH.5.26.098	2356020025	LÊ VÂN	KHANH	Nữ	15/03/2005	Ninh Bình	Kinh	Lớp Báo In K43	9.0	6.0	Đạt
96	TH.5.26.099	2356050016	NGUYỄN VÂN	KHANH	Nữ	24/12/2005	Hải Phòng	Kinh	Báo Truyền hình K43	7.0	8.0	Đạt
97	TH.5.26.100	2456020017	NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	Nữ	20/10/2006	Ninh Bình	Kinh	Báo In K44	5.25	6.0	Đạt
98	TH.5.26.101	2350080019	LÊ HOÀNG LAM	KHÊ	Nữ	15/5/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Chủ nghĩa xã hội khoa học k43	6.75	6.0	Đạt
99	TH.5.26.102	2552050022	NGUYỄN THỊ THANH	KHIẾT	Nữ	04/5/2007	Tuyên Quang	Tày	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC K45A1	6.75	7.0	Đạt
100	TH.5.26.103	2354030015	NGUYỄN THỊ	KIỀU	Nữ	10/12/2005	Ninh Bình	Kinh	Quản lý công K43	6.5	5.0	Đạt
101	TH.5.26.104	2450100029	BÙI THỊ THANH	LAM	Nữ	20/03/2006	Ninh Bình	Kinh	Lịch sử Đảng K44	7.75	4.0	Không đạt
102	TH.5.26.105	2452050081	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAM	Nữ	15/02/2006	Hải Phòng	Kinh	Lớp Quản lý Nhà nước K44A2	5.25	6.0	Đạt

STT	SBD	MSV	Họ đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/ĐVCT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ
103	TH.5.26.106	2456160076	LÊ NGỌC	LINH	Nữ	05/7/2006	Hà Nội	Kinh	Truyền thông Marketing K44A2	6.5	9.0	Đạt
104	TH.5.26.107	2353010029	NGUYỄN NGỌC	LAN	Nữ	08/11/2005	Ninh Bình	Kinh	Xã hội học K43	7.25	0.5	Không đạt
105	TH.5.26.109	2356020028	PHẠM THỊ NGỌC	LAN	Nữ	05/4/2005	Hung Yên	Kinh	Báo In K43	7.25	5.0	Đạt
106	TH.5.26.110		BAN THÙY	LINH	Nữ	16/4/2004	Tuyên Quang	Sán chay	Lớp chính trị học 22A trường học viện hành chính và quản trị công	2.75	1.5	Không đạt
107	TH.5.26.111	2358020018	ĐẶNG KHÁNH	LINH	Nữ	15/7/2005	Ninh Bình	Kinh	Lớp Xuất bản điện tử K43	6.0	5.5	Đạt
108	TH.5.26.112	2356020030	ĐẶNG KHÁNH	LINH	Nữ	01/10/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Báo in K43	7.0	9.5	Đạt
109	TH.5.26.113	2356090021	ĐẶNG KHÁNH	LINH	Nữ	15/11/2005	Quảng Ninh	Kinh	Báo Mạng điện tử CLC K43	6.0	6.5	Đạt
110	TH.5.26.114	2355380029	ĐẶNG THỊ NGỌC	LINH	Nữ	16/9/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông chính sách K43	7.75	5.5	Đạt
111	TH.5.26.115	2356100032	ĐINH NGỌC	LINH	Nữ	01/5/2005	Hà Nội	Kinh	Thông tin đối ngoại K43	9.25	9.5	Đạt
112	TH.5.26.116	2556160075	ĐINH NGỌC DIỆU	LINH	Nữ	29/6/2007	Lạng Sơn	Tày	Lớp Truyền Thông Marketing K45 A2 - TTKMT_K45A2	6.75	8.0	Đạt
113	TH.5.26.117	2356050019	HOÀNG THỊ MỸ	LINH	Nữ	01/01/2005	TP. Huế	Kinh	Báo Truyền hình K43	7.25	8.0	Đạt
114	TH.5.26.118	2451040026	KHƯƠNG HOÀNG THÙY	LINH	Nữ	16/6/2006	Bắc Ninh	Kinh	Lớp Truyền thông Đa phương tiện K44A1	6.25	6.5	Đạt
115	TH.5.26.119	2451040136	MA NGỌC	LINH	Nữ	18/11/2006	Tuyên Quang	Tày	Lớp Truyền thông đa phương tiện K44A3	7.75	6.5	Đạt
116	TH.5.26.120	2356060052	NGUYỄN CHÚC	LINH	Nữ	12/11/2005	Hải Phòng	Kinh	Lớp Quay phim truyền hình K43	7.25	9.0	Đạt
117	TH.5.26.121	2555270025	NGUYỄN HOÀI	LINH	Nữ	25/02/2007	Hải Phòng	Kinh	Lớp Quản lí Kinh tế K45A1	5.75	7.5	Đạt
118	TH.5.26.122	2452050083	NGUYỄN HƯƠNG	LINH	Nữ	01/02/2006	Bắc Ninh	Kinh	Quản lý nhà nước K44A2	6.25	7.5	Đạt
119	TH.5.26.123	2351100028	NGUYỄN KHÁNH	LINH	Nữ	24/10/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Quảng cáo K43	8.0	7.0	Đạt
120	TH.5.26.124	2455330015	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	Nữ	23/7/2006	Hà Tĩnh	Kinh	Lớp Tư tưởng Hồ Chí Minh K44	6.0	7.0	Đạt
121	TH.5.26.125	2356080026	NGUYỄN TRANG	LINH	Nữ	09/11/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Báo Truyền hình CLC K43	8.25	9.0	Đạt
122	TH.5.26.126	2455270135	PHAN MAI	LINH	Nữ	03/02/2006	Phú Thọ	Kinh	Lớp Quản Lý Kinh Tế K44A3	5.75	9.5	Đạt
123	TH.5.26.127	2453010022	PHAN THUỶ	LINH	Nữ	20/7/2006	Hà Nội	Kinh	Xã Hội Học K44	6.75	9.0	Đạt

STT	SBD	MSV	Họ đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/ĐVCT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ	
124	TH.5.26.128	2351050092	TẠ	THỊ DIỆU	LINH	Nữ	30/6/2005	Thanh Hoá	Kinh	Lớp Truyền thông Đại chúng K43A2	8.75	8.5	Đạt
125	TH.5.26.129	2455270028	TỔNG	KHÁNH	LINH	Nữ	26/9/2006	Hải Phòng	Kinh	Lớp Quản lý kinh tế k44A1	5.25	5.5	Đạt
126	TH.5.26.130	2350010014	TRẦN	HOÀNG KHÁNH	LINH	Nữ	05/12/2005	Ninh Bình	Kinh	Lớp Triết học K43	6.0	8.5	Đạt
127	TH.5.26.131	2452010028	TRẦN	PHƯƠNG	LINH	Nữ	16/03/2006	Phú Thọ	Kinh	Lớp Ngôn ngữ Anh K44	6.75	8.0	Đạt
128	TH.5.26.132		TRẦN	THỊ THU	LINH	Nữ	04/03/2004	Lào Cai	Kinh	Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội	5.25	6.0	Đạt
129	TH.5.26.133	2355360021	TRẦN	THỊ THÙY	LINH	Nữ	02/10/2005	Hưng Yên	Kinh	Lớp Chính sách công K43	5.0	7.5	Đạt
130	TH.5.26.134	2554030064	TRỊNH	KHÁNH	LINH	Nữ	05/9/2007	Bắc Ninh	Kinh	Quản lý công K45A2	5.25	9.5	Đạt
131	TH.5.26.135		TRỊNH	PHƯƠNG	LOAN	Nữ	19/4/2004	Hà Nội	Kinh	Trường Đại học Thủy Lợi	7.0	6.5	Đạt
132	TH.5.26.136	2453010025	BÙI	THỊ KIM	MAI	Nữ	21/03/2006	Thanh Hoá	Kinh	Lớp Xã Hội Học K44	5.75	8.0	Đạt
133	TH.5.26.137	2351070033	NGUYỄN	THỊ NGỌC	MAI	Nữ	04/12/2005	Bắc Ninh	Kinh	Truyền thông quốc tế K43	6.75	7.5	Đạt
134	TH.5.26.138	2256160032	LÊ	TUỆ	MINH	Nữ	27/4/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông Marketing K42A1	6.25	6.0	Đạt
135	TH.5.26.139	2356100039	VŨ	ĐỨC	MINH	Nam	25/6/2005	Hà Nội	Kinh	Thông tin đối ngoại K43	7.25	8.0	Đạt
136	TH.5.26.140	2452010034	PHAN	THỊ TRÀ	MY	Nữ	04/03/2006	Bắc Ninh	Kinh	Ngôn ngữ Anh K44	6.5	8.5	Đạt
137	TH.5.26.141	2552050032	HÀ	THỊ TUYẾT	NGA	Nữ	20/9/2007	Lạng Sơn	Nùng	Lớp Quản Lý Nhà Nước K45A1	4.0	7.0	Không đạt
138	TH.5.26.142	2356060032	LÊ	THỊ KIỀU	NGA	Nữ	24/10/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Quay phim truyền hình K43	6.0	7.0	Đạt
139	TH.5.26.143	2451010033	PHAN	THANH	NGA	Nữ	06/7/2006	Phú Thọ	Kinh	Lớp Công tác xã hội K44	7.0	6.5	Đạt
140	TH.5.26.144	2455270032	ĐINH	THỊ THÙY	NGÂN	Nữ	14/4/2006	Ninh Bình	Kinh	Quản lý kinh tế K44.A1	5.75	7.5	Đạt
141	TH.5.26.146	2452010037	TRẦN	HIẾU	NGÂN	Nữ	10/10/2006	Tuyên Quang	Tày	Lớp Ngôn Ngữ Anh K44	5.25	7.5	Đạt
142	TH.5.26.147	2355330033	TRẦN	LƯƠNG NGỌC	NGÂN	Nữ	14/5/2005	Thái Nguyên	Kinh	Tư Tưởng Hồ Chí Minh K43	5.0	6.5	Đạt
143	TH.5.26.148	2356160027	TRẦN	THỊ THUỶ	NGÂN	Nữ	13/10/2005	Nghệ An	Kinh	Lớp Truyền thông Marketing K43 A1	8.0	7.0	Đạt
144	TH.5.26.150	2455270140	CHU	YẾN	NGỌC	Nữ	06/8/2006	Hưng Yên	Kinh	Lớp Quản Lý Kinh Tế K44A3	7.0	8.5	Đạt

STT	SBD	MSV	Họ đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/ĐVCT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ
145	TH.5.26.151		ĐỖ TÂM	NGỌC	Nữ	25/6/2004	Sơn La	Kinh	Đại học Quốc gia Hà Nội	7.75	9.5	Đạt
146	TH.5.26.152	2356030028	ĐỒNG MỸ	NGỌC	Nữ	19/8/2005	Hà Tĩnh	Kinh	Ảnh báo chí k43	6.0	9.0	Đạt
147	TH.5.26.153	2456110041	HỒ BẢO	NGỌC	Nữ	26/01/2006	Nghệ An	Kinh	Quan hệ chính trị và Truyền thông quốc tế K44	6.75	9.0	Đạt
148	TH.5.26.154	2356050030	LÊ NGUYỄN THỊ BẢO	NGỌC	Nữ	27/9/2005	Thanh Hóa	Kinh	Lớp Báo truyền hình K43	7.25	8.0	Đạt
149	TH.5.26.155	2356060035	NGHIÊM THỊ BÍCH	NGỌC	Nữ	26/5/2005	Phú Thọ	Kinh	Lớp Quay phim Truyền hình K43	4.75	6.0	Không đạt
150	TH.5.26.156	2356100043	NGUYỄN BÍCH	NGỌC	Nữ	01/01/2005	Hà Nội	Kinh	Thông tin đối ngoại K43	9.0	8.5	Đạt
151	TH.5.26.157	2356050032	NGUYỄN HỒNG NHƯ	NGỌC	Nữ	18/7/2005	TP.Hồ Chí Minh	Kinh	Lớp Báo Truyền hình K43	7.75	8.0	Đạt
152	TH.5.26.158	2356040035	NGUYỄN MINH	NGỌC	Nữ	02/5/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Báo Phát thanh K43	7.0	7.5	Đạt
153	TH.5.26.159	2452050038	PHẠM NHƯ	NGỌC	Nữ	21/8/2006	Hải Phòng	Kinh	Lớp Quản lý nhà nước K44 A1	5.75	9.0	Đạt
154	TH.5.26.160		NGUYỄN THỊ CẨM NHÀI		Nữ	14/01/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp: Kỹ thuật Xét nghiệm Y học - QH.2022Y - Trường Đại học Y Dược - ĐHQGHN.	7.0	8.0	Đạt
155	TH.5.26.161	2355280034	TRẦN THỊ THANH	NHÀN	Nữ	27/6/2005	Ninh Bình	Kinh	Lớp Kinh tế & Quản lý CLC K43	4.25	5.5	Không đạt
156	TH.5.26.162	2351040039	LÊ THỊ	NHI	Nữ	26/5/2005	Bắc Ninh	Kinh	Lớp Truyền Thông Đa Phương Tiện K43	6.0	6.5	Đạt
157	TH.5.26.163	2356080033	NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	Nữ	06/6/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền hình CLC K43	7.0	8.0	Đạt
158	TH.5.26.164	2355310039	NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	Nữ	17/12/2005	Hải Phòng	Kinh	Lớp Chính trị phát triển K43	5.25	7.0	Đạt
159	TH.5.26.165	2456110044	PHẠM UYÊN	NHI	Nữ	23/5/2006	Hà Nội	Kinh	Quan hệ chính trị và Truyền thông quốc tế K44	5.0	9.5	Đạt
160	TH.5.26.166	2452010040	PHẠM YẾN	NHI	Nữ	06/11/2006	Hà Nội	Kinh	Lớp Ngôn Ngữ Anh K44	7.0	6.5	Đạt
161	TH.5.26.167	2356090036	PHÍ YẾN	NHI	Nữ	01/11/2005	Bắc Ninh	Kinh	Lớp Báo mạng điện tử CLC K43	5.0	8.0	Đạt
162	TH.5.26.168	2356160030	HÀ NGUYỄN CẨM	NHUNG	Nữ	14/01/2005	Hải Phòng	Kinh	Lớp Truyền thông Marketing K43A1	5.25	5.5	Đạt
163	TH.5.26.169	2358010038	ĐINH THỊ THỤC	OANH	Nữ	27/12/2005	Hưng Yên	Kinh	Lớp Biên Tập Xuất Bản K43	6.25	9.5	Đạt
164	TH.5.26.170	2453010042	CHU THỊ LAN	PHƯƠNG	Nữ	08/11/2006	TP.Hồ Chí Minh	Kinh	Xã hội học K44	5.75	9.0	Đạt
165	TH.5.26.171	2450100050	HỒ MINH	PHƯƠNG	Nữ	26/8/2006	Phú Thọ	Mường	Lớp Lịch sử Đảng K44	4.75	8.5	Không đạt

STT	SBD	MSV	Họ đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/ĐVCT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ
166	TH.5.26.172	2356160032	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	Nữ	21/03/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông Marketing K43A1	6.75	8.5	Đạt
167	TH.5.26.173	2452050100	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHƯƠNG	Nữ	28/6/2006	Hà Nội	Kinh	Lớp Quản lý nhà nước k44A2	9.0	5.5	Đạt
168	TH.5.26.174	2356030033	NGUYỄN THỊ MINH	PHƯƠNG	Nữ	16/8/2005	Bắc Ninh	Kinh	Báo Ảnh K43	6.75	8.5	Đạt
169	TH.5.26.175	2453010045	PHAN HÀ	PHƯƠNG	Nữ	10/11/2006	Hà Nội	Kinh	Lớp Xã hội học K44	6.25	8.5	Đạt
170	TH.5.26.176	2358020034	QUÁCH THU	PHƯƠNG	Nữ	27/10/2005	Hà Nội	Kinh	Xuất bản điện tử K43	6.5	9.5	Đạt
171	TH.5.26.177	2455270144	TRẦN THỊ MAI	PHƯƠNG	Nữ	10/12/2006	Lào Cai	Kinh	Lớp Quản lý kinh tế K44A3	6.75	6.5	Đạt
172	TH.5.26.178	2350080031	ĐỖ NGỌC	QUYÊN	Nữ	11/01/2005	Bắc Ninh	Kinh	Chủ nghĩa xã hội khoa học K43	7.75	7.0	Đạt
173	TH.5.26.179	2351020032	NGUYỄN THUỖ	QUYÊN	Nữ	18/4/2005	Thanh Hoá	Kinh	Lớp Kinh tế chính trị K43	5.0	8.0	Đạt
174	TH.5.26.180	2452010044	TRƯƠNG BẢO	QUYÊN	Nữ	14/01/2006	Hà Nội	Kinh	Lớp Ngôn Ngữ Anh K44	6.25	3.5	Không đạt
175	TH.5.26.181	2155280036	NGUYỄN NHƯ	QUỖNH	Nữ	25/9/2003	Phú Thọ	Kinh	Kinh tế và Quản Lý CLC K41	5.0	6.5	Đạt
176	TH.5.26.182	2350080032	NGUYỄN THỊ DIỄM	QUỖNH	Nữ	06/8/2005	Hưng Yên	Kinh	Lớp Chủ Nghĩa Xã Hội Khoa Học K43	6.5	5.0	Đạt
177	TH.5.26.183	2356040047	TRẦN NHƯ	QUỖNH	Nữ	07/02/2005	Phú Thọ	Kinh	Lớp Báo Phát thanh K43	6.25	7.0	Đạt
178	TH.5.26.184	2455270147	ĐỖ THỊ	SEN	Nữ	06/02/2006	Phú Thọ	Kinh	Quản lý kinh tế K44A3	5.0	6.0	Đạt
179	TH.5.26.185	2351020035	NGÔ VĂN	THÁI	Nam	13/10/2005	Bắc Ninh	Kinh	Kinh tế chính trị K43	6.0	7.0	Đạt
180	TH.5.26.186	2452020047	ĐÀO THỊ	THẨM	Nữ	28/11/2006	Nghệ An	Kinh	Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước K44A1	6.0	7.5	Đạt
181	TH.5.26.187	2452010049	PHƯƠNG ĐÌNH	THẮNG	Nam	23/02/2006	Cao Bằng	Tày	Lớp Ngôn ngữ Anh K44	6.75	9.0	Đạt
182	TH.5.26.188	2356020044	LÊ NGUYỄN THANH THẢO		Nữ	30/6/2005	Phú Thọ	Kinh	Báo In K43	7.75	7.0	Đạt
183	TH.5.26.189	2350080036	LÊ THỊ THANH	THẢO	Nữ	12/8/2005	Hưng Yên	Kinh	Lớp CNXHKKH K43	4.75	5.0	Không đạt
184	TH.5.26.190	2452020046	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG	THẢO	Nữ	01/01/2006	Hưng Yên	Kinh	Lớp Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước K44A1	6.25	9.5	Đạt
185	TH.5.26.191	2355380053	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO		Nữ	05/11/2005	Bắc Ninh	Kinh	Lớp Truyền thông chính sách K43	7.75	9.0	Đạt
186	TH.5.26.192	2350080038	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO		Nữ	04/03/2005	Hà Nội	Kinh	Chủ nghĩa xã hội khoa học K43	8.25	7.0	Đạt

STT	SBD	MSV	Họ đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/ĐVCT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ
187	TH.5.26.193	2452010048	NGUYỄN THỊ	THẢO	Nữ	13/7/2006	Hà Nội	Kinh	Lớp Ngôn Ngữ Anh K44	7.75	5.5	Đạt
188	TH.5.26.194	2452050104	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	Nữ	10/01/2006	Phú Thọ	Kinh	Lớp Quản lý nhà nước K44 A2	9.0	3.5	Không đạt
189	TH.5.26.195	2452010047	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	Nữ	25/02/2006	Ninh Bình	Kinh	Lớp Ngôn ngữ Anh K44	7.25	9.5	Đạt
190	TH.5.26.196	2356050041	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	Nữ	01/01/2005	Ninh Bình	Kinh	Lớp Báo Truyền hình K43	6.0	8.5	Đạt
191	TH.5.26.197	2355280041	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	Nữ	11/11/2005	Ninh Bình	Kinh	Kinh tế & Quản Lý CLC K43	4.75	1.0	Không đạt
192	TH.5.26.198	2356160037	TRẦN HƯƠNG	THẢO	Nữ	28/4/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông Marketing K43A1	6.75	8.0	Đạt
193	TH.5.26.199		TRẦN PHƯƠNG	THẢO	Nữ	21/01/2003	Ninh Bình	Kinh	Tự do	7.25	7.5	Đạt
194	TH.5.26.200	2452050047	TRẦN ĐỨC	THỊNH	Nam	12/01/2006	Ninh Bình	Kinh	Lớp Quản lý Nhà nước K44A1	7.0	8.0	Đạt
195	TH.5.26.201	2358020046	ĐẶNG HÀ	THU	Nữ	12/11/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Xuất bản điện tử K43	9.0	9.0	Đạt
196	TH.5.26.202	2351050110	HOÀNG ANH	THU	Nữ	19/7/2005	Hà Tĩnh	Kinh	Lớp Truyền thông đại chúng K43 A2	9.25	8.0	Đạt
197	TH.5.26.203	2456020041	TRẦN NGUYỄN	THƯƠNG	Nữ	18/01/2006	Nghệ An	Kinh	Lớp Báo In K44	7.0	8.0	Đạt
198	TH.5.26.204	2356090042	NGUYỄN PHƯƠNG	THUỶ	Nữ	28/10/2005	Thanh Hoá	Kinh	Báo Mạng Điện Tử CLC K43	5.0	10	Đạt
199	TH.5.26.205	2452050048	CHU THỊ THANH	THUỶ	Nữ	19/10/2006	Phú Thọ	Kinh	Quản lý Nhà nước K44 A1	5.25	8.0	Đạt
200	TH.5.26.206	2351020043	PHẠM PHƯƠNG	THUỶ	Nữ	25/10/2005	Tuyên Quang	Kinh	Kinh tế chính trị K43	7.0	8.0	Đạt
201	TH.5.26.207	2355360043	PHẠM LINH	THUỶ	Nữ	07/4/2005	Ninh Bình	Kinh	Chính sách công K43	5.25	7.0	Đạt
202	TH.5.26.208	2452010056	NGUYỄN THỊ	TRÂM	Nữ	06/4/2006	Thanh Hóa	Kinh	Lớp Ngôn ngữ Anh K44	5.25	6.5	Đạt
203	TH.5.26.209	2355330047	BÙI HUYỀN	TRANG	Nữ	15/10/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Tư tưởng Hồ Chí Minh K43	5.25	8.5	Đạt
204	TH.5.26.210	2452050053	ĐẶNG THỊ THU	TRANG	Nữ	07/6/2006	Hung Yên	Kinh	Lớp Quản lý Nhà nước K44A1	7.25	8.0	Đạt
205	TH.5.26.211	2351010041	ĐÀO THỊ THUỶ	TRANG	Nữ	07/12/2005	Thái Nguyên	Tày	Lớp Công tác xã hội K43	5.25	7.5	Đạt
206	TH.5.26.212	2355380057	LẠI THU	TRANG	Nữ	05/6/2005	Tuyên Quang	Kinh	Truyền thông Chính sách K43	7.75	8.0	Đạt
207	TH.5.26.213	2353010050	LÊ HUYỀN	TRANG	Nữ	16/10/2005	Sơn La	Kinh	Lớp Xã hội học K43	8.25	7.5	Đạt

STT	SBD	MSV	Họ đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/ĐVCT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ
208	TH.5.26.215	2456040056	LÊ THỊ THÙY	TRANG	Nữ	26/01/2006	Thanh Hóa	Kinh	Báo Phát Thanh K44	5.75	7.0	Đạt
209	TH.5.26.216	2356160086	NGÔ NGỌC HUYỀN	TRANG	Nữ	11/12/2005	Hà Nội	Kinh	Truyền thông Marketing A2 K43	5.75	7.0	Đạt
210	TH.5.26.217	2356100055	NGUYỄN BẢO	TRANG	Nữ	08/11/2005	Hà Nội	Kinh	Thông Tin Đối Ngoại K43	6.75	7.0	Đạt
211	TH.5.26.218		PHẠM HUYỀN	TRANG	Nữ	03/11/2005	Phú Thọ	Kinh	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	6.75	6.5	Đạt
212	TH.5.26.219	2356080042	TỔNG THUỖ	TRANG	Nữ	02/01/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền hình CLC K43	7.25	7.0	Đạt
213	TH.5.26.220	2558020051	TRẦN THỊ THU	TRANG	Nữ	16/01/2007	Phú Thọ	Kinh	Xuất bản Điện tử K45	6.75	7.5	Đạt
214	TH.5.26.221	2452050057	LÊ DƯƠNG	TRỊ	Nam	20/01/2006	Phú Thọ	Kinh	QLNN K44 - A1	4.75	7.0	Không đạt
215	TH.5.26.222	2356030049	NGUYỄN PHI	TUẤN	Nam	25/10/2005	Hà Tĩnh	Kinh	Ảnh báo chí K43	5.25	9.0	Đạt
216	TH.5.26.223		VŨ HỒNG	TUẤN	Nam	10/02/2002	Hưng Yên	Kinh	Cty CP Chứng nhận & Giám định VinaCert	6.25	7.5	Đạt
217	TH.5.26.224	2351010049	LƯƠNG ÁNH	TUYẾT	Nữ	12/8/2005	Nghệ An	Kinh	Công tác xã hội - K43	5.75	6.0	Đạt
218	TH.5.26.225	2355360049	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	Nữ	07/5/2004	Hà Nội	Kinh	Chính sách công K43	6.25	7.5	Đạt
219	TH.5.26.226	2331040027	ĐỖ PHƯƠNG	UYÊN	Nữ	09/8/2005	Thái Nguyên	Kinh	Lớp Truyền thông đa phương tiện VLVH K43	5.0	7.0	Đạt
220	TH.5.26.227	2256160044	KIỀU THỊ THU	UYÊN	Nữ	03/01/2004	Hà Nội	Kinh	Lớp Truyền thông Marketing K42A1	7.0	5.5	Đạt
221	TH.5.26.228	2456040058	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN		Nữ	04/6/2006	Ninh Bình	Kinh	Lớp Báo phát thanh K44	6.5	8.5	Đạt
222	TH.5.26.229	2356150055	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN		Nữ	05/9/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Quan hệ công chúng chuyên nghiệp K43	8.0	9.0	Đạt
223	TH.5.26.230	2356060047	ĐỖ THỊ	VÂN	Nữ	01/5/2005	Hà Nội	Kinh	Quay phim truyền hình k43	7.0	2.5	Không đạt
224	TH.5.26.231	2356060048	TRẦN THỊ DIỆU	VÂN	Nữ	10/10/2005	Thanh Hoá	Kinh	Lớp Quay phim Truyền hình K43	4.25	9.0	Không đạt
225	TH.5.26.232	2350100042	TRẦN THỊ MỸ	VĂN	Nữ	02/11/2005	Ninh Bình	Kinh	Lớp Lịch sử Đảng K43	8.25	8.5	Đạt
226	TH.5.26.233	2356080044	NGUYỄN THỦY	VI	Nữ	03/01/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Báo Truyền hình Chất lượng cao K43	7.25	9.0	Đạt
227	TH.5.26.234	2356160046	NGUYỄN TRẦN THẢO	VI	Nữ	25/7/2005	Nghệ An	Kinh	Truyền thông marketing A1K43	6.25	7.5	Đạt
228	TH.5.26.235	2456050106	NGUYỄN QUANG	VINH	Nam	19/02/2006	Bắc Ninh	Kinh	Báo Truyền hình K44A2	7.0	7.5	Đạt

STT	SBD	MSV	Họ đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp/ĐVCT	Điểm TN	Điểm TH	KẾT QUẢ
229	TH.5.26.236	2552050056	ĐÌNH TRẦN	KHÁNH VY	Nữ	08/9/2007	Hà Nội	Kinh	Lớp Quản Lý Nhà Nước K45A1	5.25	8.0	Đạt
230	TH.5.26.237	2358010061	VÕ HÀ	VY	Nữ	12/02/2005	Hà Nội	Kinh	Lớp Biên tập xuất bản K43	7.0	9.0	Đạt
231	TH.5.26.238	2356060051	ĐÌNH SONG	YẾN	Nữ	23/10/2005	Bắc Ninh	Kinh	Lớp Quay phim truyền hình K43	7.75	8.5	Đạt
232	TH.5.26.239	2452010059	LẠI HẢI	YẾN	Nữ	02/7/2006	Hà Nội	Kinh	Ngôn ngữ Anh K44	8.0	8.0	Đạt
233	TH.5.26.240	2351010053	NGUYỄN HẢI	YẾN	Nữ	23/10/2005	Bắc Ninh	Kinh	Lớp Công tác xã hội K43	5.25	7.0	Đạt
234	TH.5.26.241		NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	Nữ	09/5/2002	Phú Thọ	Kinh	Công việc tự do	5.0	5.0	Đạt
235	TH.5.26.242	2551010046	NGUYỄN THỊ HỒNG	YẾN	Nữ	22/02/2007	Thanh Hoá	Kinh	Lớp Công Tác Xã Hội K45	6.25	5.0	Đạt
236	TH.5.26.046	2452010013	TÔ HUYỀN	DIỆU	Nữ	10/8/2006	Phú Thọ	Kinh	Lớp Ngôn ngữ Anh K44	6.75	8.5	Đạt

Tổng số thí sinh dự thi: **236**

Tổng số thí sinh đạt: **211**

Tổng số thí sinh không đạt: **25**

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2026

